

Bản án số: **85/2023/DS-ST**

Ngày: 14/9/2023.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Quang.
2. Bà Đào Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như, thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BT

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa:
Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **145/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023**, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **130/2023/QĐXX- ST ngày 17 tháng 8 năm 2023**, và Quyết định hoãn phiên tòa số **95/2023/QĐST-DS ngày 29/8/2023**, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Th**, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Giồng Bông, xã ThL, huyện BÐ, tỉnh BT.

Bị đơn: Bà **NTL**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Sân Banh, xã ThL, huyện BÐ, tỉnh BT.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Sân Banh, xã ThL, huyện BÐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện ngày 08/6/2023 (bl 01), Bản tự khai ngày 01/8/2023 (bl 20) cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Th trình bày nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Giữa bà và bà NTL hai bên có việc chơi hụi với nhau. Hụi do bà NTL làm chủ, còn bà là hụi viên. Quá trình tham gia chơi hụi thì bà đã đóng hụi cho bà Loan tổng số tiền là 115.000.000 đồng. Ngày 06/11/2022 al thì bà Loan ngưng giao dịch hụi, không gom hụi, không giao tiền cho các hụi viên hốt được hụi.

Sau khi bà Loan vỡ hụi thì giữa bà và bà Loan hai bên có kết nợ lại và bà Loan có làm giấy tay xác nhận còn nợ tiền hụi bà số tiền là 115.000.000 đồng, giấy do bà Loan tự viết, tự ký tên xác nhận (bl 37).

Tại phiên tòa, bà yêu cầu bà NTL, ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ trả cho bà số nợ hụi là 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi.

* Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải ngày 01/8/2023 bị đơn bà NTL trình bày:

Bà thừa nhận bà có làm chủ hụi, bà Phạm Thị Th là hụi viên, bà thừa nhận bà còn nợ tiền hụi bà Th tổng số tiền hụi là 115.000.000 đồng như bà Th khởi kiện.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà Th thì bà đồng ý trả nợ hụi cho bà Phạm Thị Th.

Đối với ông Lê Văn Clà chồng bà, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định, bà đã làm chủ hụi hơn 20 năm qua, thu nhập hàng tháng của bà vài chục triệu đồng, bà làm chủ hụi, ông C có đi góp hụi cho bà nhưng bà đã trả tiền công cho ông Clà 150.000 đồng/ buổi. Tuy nhiên, ông C không biết gì về số tiền nợ hụi của bà, bà có giao giấy tờ của Tòa án cho ông C nhưng ông nói không liên quan gì đến số nợ hụi nên không đến Tòa án, cũng không có ý kiến gì hết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập họp lệ các Văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông không có ý kiến phản đối hay có yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hồng. Tòa án không thu thập được lời khai của ông Lê Văn C.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

- Thẩm phán được phân công thụ lý xác định đây là vụ án “Tranh chấp hụi” là đúng quan hệ tranh chấp. Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện BD theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng thời hạn.

- Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

Bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án dân sự, nhận thấy:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà NTL và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Th số tiền nợ hui là 115.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà Th cung cấp chứng cứ là giấy nhận nợ (bút lục 03 hoặc 37) có chữ ký của bà NTL.

Bà NTL thừa nhận có làm chủ hui và hiện còn nợ bà Th số tiền 115.000.000 đồng như bà Th yêu cầu, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Loan đồng ý trả cho bà Th số tiền trên nhưng chỉ đồng ý một mình bà trả cho bà Th chứ không đồng ý liên đới cùng ông Lê Văn C trả số nợ trên.

Xét yêu cầu liên đới: Bà Th yêu cầu ông C cùng liên đới với bà Loan để trả nợ cho bà Th, bà Loan không đồng ý liên đới cùng ông C trả nợ vì cho rằng đây là khoản nợ bà tự gây ra nên tự chịu. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà Th và bà Loan thì việc bà Loan cho vay tiền, làm chủ hui, chơi hui, khai hui ông C đều biết. Bà Loan thường mở hui và khai hui tại nhà, ông C có chứng kiến và đôi khi ông C có đi gom tiền hui cho bà Loan. Bà Loan chơi hui để lấy lời phục vụ cho cuộc sống gia đình. Ông C và bà Loan là vợ chồng hợp pháp, cùng sống chung nhà và có đăng ký kết hôn ngày 11/01/1988 tại Ủy ban xã ThL, huyện BĐ (bút lục 22). Đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của ông C và bà Loan nên căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình thì ông C phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Loan trả nợ.

Bà NTL làm chủ hui nhưng không giao hui đầy đủ cho hui viên là vi phạm hợp đồng góp hui. Vì vậy, yêu cầu của bà Phạm Thị Th là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, VKSND huyện BĐ đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 16, 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th đối với bà NTL và ông Lê Văn C về việc tranh chấp hợp đồng góp hui.

Buộc bà NTL và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Th số tiền nợ hui là 115.000.000 đồng.

Ghi nhận bà Th không yêu cầu tính lãi suất.

Yêu cầu kiến nghị, khắc phục vi phạm: Việc gửi thông báo thụ lý và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trễ hạn kiến nghị tòa án khắc phục trong thời gian tới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà NTL có đăng ký thường trú và hiện còn đang sinh sống tại xã ThL, huyện BĐ, tỉnh BT. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BT.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm Thị Th khởi kiện bà Loan đòi lại số tiền **hui** còn thiếu. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn bà NTL có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (bl 29), ông Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng ông vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

Về nội dung vụ án:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th yêu cầu bà NTL phải trả số tiền nợ hui còn thiếu là 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng) và không tính lãi suất.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Theo lời khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì hai bên đều xác định giữa hai bên có giao dịch chơi hui với nhau, theo đó bà NTL thừa nhận có nợ tiền hui của bà Phạm Thị Th số tiền hui là 115.000.000 đồng, thừa nhận có ký tên xác nhận vào giấy nợ do bà Th giao nộp cho Tòa án. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không cần phải chứng minh nên công nhận sự thật bà Loan có nợ tiền hui của bà Th số tiền 115.000.000 đồng là có thật.

[5] Do đó, bà Phạm Thị Th khởi kiện đòi bà NTL phải trả số tiền hui 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng) là có căn cứ để Hội đồng xét

xử chấp nhận.

[6] Về lãi suất: Bà Phạm Thị Th chỉ yêu cầu trả vốn mà không yêu cầu bà NTL phải trả lãi suất. Xét thấy, đây là quyền quyết định và định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Xét trách nhiệm liên đới của ông Lê Văn C, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Căn cứ theo Giấy kết hôn giữa bà NTL và ông Lê Văn C thì ông bà có đăng ký kết hôn vào năm 1988 nên ông, bà là vợ chồng hợp pháp, hiện tại vẫn sống và sinh hoạt chung gia đình với nhau. Đồng thời mục đích bà Loan làm chủ hộ đã hơn 20 năm, vay tiền để lo kinh tế gia đình, chứ không cờ bạc hay tiêu xài cá nhân nên ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Phạm Thị Th là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BĐ về quan điểm giải quyết vụ án: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Lan được chấp nhận toàn bộ, nên bà NTL và ông Lê Văn C phải liên đới chịu án phí của số tiền 115.000.000 đồng, số tiền án phí được tính là 5.750.000 đồng (năm triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 2 Điều 92; của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Th đối với bà NTL và ông Lê Văn C về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*”.

2. Buộc vợ chồng bà NTL và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Th số tiền nợ hộ là 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Th không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nêu trên.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ

quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà NTL và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí là 5.750.000 đồng (năm triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Th số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp 2.875.000 đồng (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005049 ngày 28/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BD.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với bà NTL, ông Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BT (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Loan

7. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Công Du phải chịu số tiền án phí là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019421 ngày 22/11/2018 số tiền 10.760.000 đồng (mười triệu bảy trăm sáu chục ngàn đồng); biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014992 ngày 10/4/2018 số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng);

Bà Lê Thị Bạch Yến, ông Đoàn Thanh Hùng được miễn nộp toàn bộ số tiền mà ông, bà phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BT;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THA huyện BĐ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Loan